

QUAN HỆ QUỐC TẾ

NƯỚC MỸ VỚI PHONG TRÀO HỒI GIÁO WAHHABI/NEO-SALAFI TẠI BÁN ĐẢO ARABIA

Đỗ Trọng Quang

“**C**uộc chiến chống khủng bố” do Mỹ tiến hành đã kéo dài sáu năm, nhưng không đạt được nhiều kết quả. Có lẽ sai lầm tai hại nhất của các nhà hoạch định chính sách Mỹ là họ vẫn tìm cách áp đặt những mô hình quen thuộc của mình lên các dân tộc và đất nước xa lạ, không đi sâu vào lịch sử phức tạp của bán đảo Arabia, đặc biệt là tìm hiểu quan hệ liên minh giữa Mỹ và Saudi Arabia cũng như sự ra đời phong trào Wahhabi/Neo-Salafi, những nhân tố tác động đến quá trình chiến tranh.

Lịch sử của liên minh Mỹ - Saudi Arabia

Tháng 8/1941, một hội nghị các quan chức cao cấp Chính phủ Mỹ nhận định rằng “có thể trong ba bốn tháng nữa, một phần lớn vùng Trung Đông, đặc biệt là Iran, Iraq và Palestine sẽ bị Đức chiếm đóng”. Người Anh thoát đầu tìm cách tranh thủ sự ủng hộ của Saudi Arabia cho phe Đồng minh bằng cách phái tàu chở lương thực khẩn cấp sang vương quốc này. Công ty dầu lửa Standard Oil of California (SOCAL) của Mỹ cũng chuyển tiền cho nhà vua Ibn Saud năm 1942 coi như trả trước tiền thuê mỏ dầu. Tuy nhiên, nhà vua đòi một khoản trợ cấp tối thiểu hàng năm 10 triệu đôla để giải quyết nạn khan hiếm thực phẩm. Ông nói rằng các

khoản tiền của SOCAL và người Anh gộp lại không đến 6 triệu đôla.

Tổng thống Franklin Roosevelt bèn giúp Ibn Saud bằng cách thiết lập liên minh chiến lược Mỹ - Saudi Arabia. Nhất trí với lo ngại của Bộ Chiến tranh, công ty SOCAL cảnh báo rằng “nếu điều đó (tức là việc chuyển tiền) không được thực hiện sớm, thì vương quốc độc lập này, và có lẽ cùng với nó là toàn bộ thế giới Arab, sẽ rơi vào cảnh hỗn loạn”. Để chặn trước viễn cảnh đó, Chính quyền Roosevelt bắt đầu chuyển viện trợ qua người Anh, và lúc binh lính Mỹ đã đổ bộ lên Algeria và Morocco tháng 10/1942, viện trợ Mỹ được gửi thẳng cho vua Ibn Saud.

Trong những năm tiếp theo, Mỹ trực tiếp viện trợ gấp hai lần mức mà Ibn Saud yêu cầu, bảo đảm sự ủng hộ của Saudi Arabia cho nỗ lực chiến tranh của Đồng minh. Ngày 14/10/1945, Roosevelt và Ibn Saud gặp nhau trên tàu USS Quincy ở Ai Cập và thông báo thành lập liên minh Mỹ - Saudi Arabia.

Liên minh này có thể đã chấm dứt khi Chiến tranh Thế giới II kết thúc nếu sự đe dọa của “cộng sản quốc tế” không làm sống lại giá trị chiến lược của quan hệ đó. Trong thông báo gửi ngày 12/11/1946, phái viên của Hoa Kỳ là Rives Childs tại Jidda chuyển cho Ngoại trưởng Dean Acheson một thông điệp của vua Ibn Saud:

Nhà vua nói rằng Hoa Kỳ và Saudi Arabia là một nước với công việc đan xen với nhau chặt chẽ đến mức ông không coi người Mỹ là người nước ngoài. Vấn đề duy nhất ông tự nêu lên, mà ông hình như bị ám ảnh, là nước Nga. Ông nói rằng đêm qua ông nghe đài thông báo người Cộng sản đã giành được ghế ở Pháp. Ông tự hỏi ảnh hưởng của Cộng sản lan tràn tại Ai Cập, Iraq, và Syria sẽ chấm dứt ở đâu. Vì sao chúng ta không có một lập trường mạnh hơn?

Nói đi nói lại về mối đe dọa của cộng sản là một cách để moi viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ, nhưng Ibn Saud còn lo ngại vì các hậu quả lâu dài. Trong những năm 1950, những cuộc nổi loạn tại Ai Cập cũng như ở Syria. Chính phủ Syria ngả sang theo Liên Xô. Sự yếu ớt của Saudi Arabia trước vương quốc này phải đề cao giá trị chiến lược và kinh tế của mình với Hoa Kỳ trong Chiến tranh Lạnh. Là một nước đông đảo dân du mục, Saudi Arabia không thể động viên quân đội theo kiểu các nhà nước hiện đại như Ai Cập. Tháng 5/1948, một nhà ngoại giao Mỹ nói rằng:

Trong năm tháng qua, nhà vua Saudi Arabia nhiều lần yêu cầu Hoa Kỳ cung cấp thiết bị quân sự để bảo vệ an ninh của vương quốc ông... Nhà vua nói rằng nếu nước ông được vũ trang để tham gia tự vệ, thì Hoa Kỳ sẽ được cung cấp bất cứ phương tiện chiến lược nào có thể đòi hỏi ở Saudi Arabia.

Lúc đó, viện trợ quân sự của Hoa Kỳ còn bị lệnh cấm vận vũ khí hạn chế do cuộc chiến tranh năm 1948 giữa người Arab với Israel, nhưng Ibn Saud cứ tiếp tục nhấn mạnh mối đe dọa của cộng sản nên đã thành công. Năm 1953, Tổng thống Eisenhower lên thay Roosevelt đã làm cho Ibn Saud yên lòng: "Hai nước chúng ta đã sát cánh nhau trong thời chiến, và

bây giờ chúng ta đoàn kết với nhau chống lực lượng xấu xa và vô thần của cộng sản đang đe dọa thế giới". Thế là cuối thập kỷ đó, Hoa Kỳ và Saudi Arabia chính thức hóa quan hệ liên minh của họ trong Chiến tranh Lạnh.

Ibn Saud qua đời ít lâu sau khi Eisenhower tuyên bố câu nói trên, nhưng mối liên hệ ràng buộc vương quốc ông với Hoa Kỳ chẳng bao lâu đã được tăng cường khi chủ nghĩa xã hội liên-Arab của Gamal Abdel Nasser nổi lên ở Ai Cập. Năm 1955, một cuộc nổi loạn của quân đội địa phương thân Nasser nổ ra tại thành phố Taif của Saudi Arabia. Một nhóm người mệnh danh là "Các ông hoàng tự do" đòi thực hiện những thay đổi về chính trị bằng cách liên minh với Nasser. Mới đầu, nhà vua kế nghiệp Ibn Saud tìm cách xoa dịu Nasser và xa lánh Hoa Kỳ, nhưng ông chợt nhận thấy phong trào chính trị thân Liên Xô đã đủ mạnh để trở thành mối đe dọa vương quốc ông sau khi chế độ quân chủ Hashemite bị lật đổ ở Iraq năm 1958.

Năm đó, vương triều Saudi Arabia chính thức chấp nhận học thuyết Eisenhower, buộc Hoa Kỳ chống lại bất cứ sự nổi dậy nào của cộng sản. Phản ứng lại, Nasser công khai tuyên bố ý định của Ai Cập là lật đổ tất cả các chế độ "phong kiến phản động". Cuộc đấu tranh giữa các chế độ quân chủ bảo thủ với các "nước cộng hòa" liên-Arab trở thành cái gọi là cuộc Chiến tranh Lạnh Arab.

Liên minh Wahhabi/Neo-Salafi

Vương triều Saudi Arabia đối phó với Nasser bằng cách khôi phục giấc mơ lịch sử của mình là biến Arabia thành trung tâm của thế giới đạo Hồi. Không giống các đế chế Hồi giáo trước kia của người Thổ Nhĩ Kỳ, Fatamid, Abbasid, hay Umayyad, chủ nghĩa liên-

Hồi giáo của Saudi Arabia hình thành bằng cách hợp nhất hai phong trào Hồi giáo nhỏ bé trong lịch sử: Neo-Salafi (Salafi mới) và Wahhabi. Neo-Salafi là một nhánh của phong trào Salafi tìm cách tái tạo thế giới của al-Salaf al-Salih (Các vị Tổ tiên Chính trực), mà mọi người coi là hai thế hệ đầu tiên của đạo Hồi. Vào giữa thế kỷ XX, các phân tử Neo-Salafi nổi lên ở Ai Cập, cho rằng tình trạng đương thời của xã hội Hồi giáo cần được thay đổi bằng một cuộc cách mạng.

Về mặt văn hóa và thần học, các phân tử Neo-Salafi “cách mạng” hơn nhóm Wahhabi cực kỳ bảo thủ, những kẻ theo học thuyết của nhà cải cách Mohammed Abd al-Wahhab ở thế kỷ XVIII. Quê hương là vùng Nadj hẻo lánh của Arabia, người Wahhabi sống cuộc đời bộ lạc du mục, khác cảnh sôi nổi ồn ào của Cairo. Một số học giả Wahhabi như Rabi al-Madkhali nêu bật sự khác biệt này bằng cách gọi người Neo-Salafi là “Qutbi”, theo tên một người Ai Cập là Sayyid Qutb, để nói rằng những người đó theo một giáo phái “lệch lạc”. Tuy nhiên, cả Wahhabi và Neo-Salafi đều là những “người cải cách” tìm cách tẩy uế xã hội Hồi giáo khỏi các tập tục cổ truyền, mà họ coi là những đối mới như bản. Do vậy, cả hai phong trào đều không dung tha kẻ vô đạo, và cùng có xu hướng coi những người Hồi giáo không đồng ý với cách hiểu của họ về đạo Hồi là kẻ phản đạo.

Về lịch sử, những nhóm đó vẫn bị gạt ra ngoài lề trong *umma* (cộng đồng Hồi giáo) vì họ từ bỏ các trường phái pháp chế truyền thống của đạo Hồi, nhưng ba diễn biến ở thế kỷ XX đã tạo điều kiện thuận lợi cho họ nâng cao uy thế trên toàn cầu. Diễn biến thứ nhất là sự giải thể đế chế Thổ Nhĩ Kỳ sau Chiến tranh thế giới I. Ngày 3/3/1924, Tổng thống đầu tiên của nước cộng hòa

Thổ Nhĩ Kỳ là Kemal Atatürk hủy bỏ đế chế và chuyển giao quyền hành cho nghị viện của nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ mới thành lập. Hussein bin Ali, nguyên thống đốc vùng Hejaz của đế chế Thổ Nhĩ Kỳ cũ, kẻ đã âm mưu cùng người Anh trong Chiến tranh Thế giới I nổi loạn chống chính quyền tại Istanbul, tự xưng là vua ở Mecca hai ngày sau. Ông vua tự phong này chẳng được ai coi trọng, chẳng mấy chốc Hussein bị người Saudi Arabia đánh đuổi khỏi bán đảo. Kết quả đầu tiên của sự kiện đó là tạo ra một khoảng trống về thể chế trong *umma* mà nhóm Wahhabi nhảy vào lấp đầy.

Diễn biến thứ hai chuẩn bị cho Wahhabi/Neo-Salafi nâng cao uy thế là việc nhóm Wahhabi chiếm *hajj*, tức hai thánh địa Mecca và Medina. Sau khi vua Faisal bin Abdul Aziz, hậu duệ của al-Wahhab, lên cầm quyền năm 1964, ông không ưa bốn trường phái pháp chế cổ truyền của giáo phái Sunni. Để lập Saudi Arabia làm trung tâm của pháp chế Hồi giáo, ông bổ nhiệm các học giả Wahhabi điều khiển nền giáo dục Hồi giáo và hoạt động của *hajj*. Điều đó cho phép nhóm Wahhabi nhồi sọ hàng chục triệu người đến Mecca hành hương hàng năm.

Zeyno Baran¹, một chuyên gia về đạo Hồi chính trị, nhắc lại điểm này: “Người Hồi giáo bước vào thánh địa đều được cung cấp sách báo truyền bá cách giải thích đạo Hồi của Wahhabi. Những người ít được giáo dục tôn giáo trước đó, như người Hồi giáo Trung Á, về nhà cho rằng những tài liệu đó trình bày bản chất thật của đạo Hồi”. Một trong những tài liệu này là một cuốn kinh Qur’an được chú thích, nói rằng thánh chiến là một trụ cột của đạo Hồi, ngang hàng với năm trụ cột cổ truyền: bày tỏ đức tin, cầu kinh, nhịn ăn, bố thí, và hành hương ở Mecca. Một cước chú nói rằng “Nếu từ

bỏ thánh chiến, đạo Hồi bị hủy hoại". Một chú thích khác ghi "Thánh chiến là bốn phận bắt buộc, kẻ nào trốn tránh bốn phận này, hoặc trong thâm tâm không muốn thực hiện bốn phận đó, sẽ chết như một kẻ đạo đức giả".

Nhân tố thứ ba quan trọng nhất là phân nâng cao hệ tư tưởng Wahhabi/Neo-Salafi là nguồn dẫu lửa và động lực thúc đẩy sự giàu có và thịnh vượng phú của Arabia. Nguồn tài trợ này cho phép Saudi Arabia tài trợ cho một loạt thiết chế xuyên quốc gia trên-Arab, đặt cơ sở xã hội và kinh tế cho một phong trào toàn cầu. Năm 1962, Saudi Arabia thành lập Liên đoàn Hồi giáo Thế giới, do *mufti* (người giải thích luật đạo Hồi) hàng đầu của Saudi Arabia là Mohammed Ibrahim ibn Al al-Shaykh, hậu duệ của al-Wahhab, lãnh đạo. Chính phong tổ chức này các nhân vật chủ chốt Neo-Salafi và Wahhabi thiết lập mạng hệ mật thiết với nhau.

Thành viên của Liên đoàn bao gồm Said Ramadan, con rể của Hasan al-Banna, người sáng lập tổ chức Huynh đệ Hồi giáo ở Ai Cập; Maulana Abu Idris Mauduni, kẻ cầm đầu tổ chức Jamaat-i Islami tại Pakistan; và Maulana Abu i-Hasan Nadvi ở Ấn Độ, v.v... Sự hỗ trợ hậu hĩ của Saudi Arabia cho Liên đoàn khiến nó có thể tài trợ cho nhiều tổ chức Hồi giáo ở nước ngoài (bao gồm Đại hội Hồi giáo Thế giới của Pakistan, Viện Nghiên cứu đạo Hồi của Ai Cập, Hội nghị Hồi giáo về Jerusalem của Jordan, và Tổ chức Hồi giáo Quốc tế của Indonesia).

Việc thành lập Liên đoàn cùng các mạng lưới xuyên quốc gia tương tự khiến số thánh đường Wahhabi/Neo-Salafi tăng lên rất nhiều ở Bangladesh, Kosovo, Bosnia, Chechnya, Indonesia, Pakistan, Uzbekistan, Tây Âu, châu Phi, và thậm chí Hoa Kỳ. Trong những năm 1970, một trong những nhà thần học lớn của Uzbekistan là Mohammed

Hindustani Rustamov nhận xét rằng, sự thâm nhập của người Hồi giáo Saudi Arabia khiến giới tăng lữ Uzbekistan xa rời truyền thống Hanfi địa phương của đạo Hồi. Tình hình cũng diễn ra như vậy ở Đông Nam Á, ở đó, Saudi Arabia cung cấp tiền tài trợ cho chương trình phát triển với điều kiện phải vứt bỏ các lời dạy của hệ phái Sufi cùng giáo phái Sunni địa phương và theo những ý tưởng nhập từ Arabia.

Ngoài ra, hệ thống giáo dục công lập của Pakistan đã sa sút, nên các *madrassa* (trường học của đạo Hồi) do Saudi Arabia tài trợ trở thành nơi học tập của con nhà nghèo. Mặc dù hệ thống giáo dục công lập ở phương Tây rất mạnh, nhưng tình hình đó vẫn diễn ra tại cả châu Âu và Mỹ. Ở đây, các trung tâm truyền bá tư tưởng Wahhabi trở thành nơi học tập duy nhất mà các bậc phụ huynh Hồi giáo gửi con cái đến để chúng có một cơ sở tôn giáo. Tiền tài trợ của Saudi Arabia cho các cơ sở này tăng thêm nữa để đối phó với thách thức về tư tưởng của Cách mạng Hồi giáo ở Iran sau năm 1979, vì Giáo chủ Khomeini của Iran muốn nước cộng hòa Hồi giáo của mình truyền bá cách mạng đến người theo giáo phái Shi'a ở các nước quân chủ vùng vịnh Persia.

Ngoài việc xây dựng các mạng lưới xã hội và kinh tế xuyên quốc gia, Saudi Arabia còn đặt cơ sở quân sự cho một cuộc nổi dậy Hồi giáo toàn cầu. Liên đoàn Hồi giáo Thế giới và Hội đồng Thanh niên Hồi giáo Thế giới giúp đỡ tổ chức Huynh đệ Hồi giáo ở Syria và Ai Cập. Trong những năm 1980, khoảng 15.000 người Saudi Arabia sang Afghanistan, khi Chính phủ Saudi Arabia đưa chừng 25.000 người Hồi giáo từ các nước đạo Hồi khác, chủ yếu là Arab, tự nguyện đến chiến đấu. Từ năm 1984 đến 1986,

Saudi Arabia tài trợ cho cuộc nổi dậy 525 triệu đôla; và năm 1989, đồng ý cung cấp 62% trong tổng số 715 triệu đôla năm đó.

Đáng chú ý là việc Shaykh Abdallah Yusuf Azzam người Palestine thành lập tổ chức Al Qaeda Al Sulbah (Cơ sở Vững chắc), gọi tắt là Al Qaeda, tại Afghanistan. Ở đây, “cơ sở vững chắc” của Azzam liên hệ với sáu nhóm Hồi giáo, kể cả Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro tại Đông Nam Á, Phong trào Hồi giáo Uzbekistan ở Trung Á, và Nhóm Salafi Kêu gọi và Chiến đấu tại Bắc Phi.

Sau khi Liên Xô rút khỏi Afghanistan, các chiến binh Hồi giáo hoạt động ở đây đã đưa thánh chiến về nước. Trong cuốn sách *Jihad: The Trail of Political Islam* (Thánh chiến: Đường mòn của đạo Hồi chính trị), tác giả Gilles Kepel² chứng minh rằng, Nhóm Hồi giáo Vũ trang (GIA), đặt căn cứ ở Algeria và hầu như hoàn toàn do người Afghanistan Arab cầm đầu, đã trở thành một trong những nhóm du kích vũ trang tàn bạo và đáng sợ nhất trên thế giới. Tại Chechnya, người Afghanistan Arab như “emir” (tiểu vương đạo Hồi) Ibn ul-Khattbab của tổ chức Mujahideen nước ngoài ở đây nắm vị trí lãnh đạo quân sự.

Người Afghanistan Arab còn thâm nhập Ai Cập, cầm đầu những nhóm như al-Gamaat al Islamiyya và al-Jihad, những kẻ chịu trách nhiệm ám sát Tổng thống Anwar Sadat. Một học giả xuất sắc nghiên cứu về chủ nghĩa khủng bố ở Đông Nam Á là Zachary Abuza nhận xét rằng, ban lãnh đạo của hầu hết mọi nhóm Hồi giáo chiến đấu tại Đông Nam Á đều cộng tác với các phần tử Mujahideen ở Afghanistan. Trong những năm đầu 1990, việc xuất khẩu phong trào Wahhabi/Neo-Salafi khỏi Arabia đã chuẩn bị cho cuộc nổi dậy Hồi giáo toàn cầu.

Người Mỹ bị lôi kéo vào cuộc xung đột này vì dầu lửa của Arabia. Năm 1991, kinh tế Mỹ phải dựa trên cơ sở nhiều dầu lửa, vì thế trông mong vào trữ lượng của Saudi Arabia. Lúc Iraq tấn công Kuwait năm 1990, vương quốc Saudi Arabia không có khả năng chống cuộc xâm lược. Nếu Mỹ không can thiệp, Saddam Hussein đã có thể chiếm một khu vực chứa 65% trữ lượng dầu của thế giới. Viễn cảnh này đặt ra hai nguy cơ cho Hoa Kỳ và an ninh của nền kinh tế toàn cầu: (1) Saddam Hussein sẽ nêu những điều kiện không thể chấp nhận để cung cấp dầu cho kinh tế thế giới; và (2) chế độ của hắn sẽ dùng tiền bạc dư dật do bán dầu để thực hiện chính sách bành trướng chính trị và quân sự. Cuộc xâm lược của Iraq nếu không bị kiềm chế chẳng những sẽ làm biến đổi vùng Trung Đông, mà còn thay đổi triệt để thế cân bằng lực lượng toàn cầu.

Lực lượng Mỹ tiến vào vùng Vịnh năm 1990 đã mở đầu cái gọi là cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố. Quyết định của Hoa Kỳ chẳng phải để giải phóng Iraq, mà để bảo vệ Saudi Arabia, khiến Mỹ trở thành mục tiêu của Al Qaeda. Năm 1991, Osama bin Laden gửi thư cho Chính phủ Saudi Arabia tình nguyện giúp nước này chống cuộc xâm lược của Iraq, nhưng Chính phủ Saudi Arabia không chấp nhận đề nghị của hắn, mà lại cho phép lực lượng Mỹ và các quốc gia phương Tây khác vào nước mình. Chủ trương đó đã khiến Osama bin Laden quyết liệt chống vương triều Saudi Arabia. Năm 1998, hắn trả lời phỏng vấn của báo Al-Jazeera như sau:

Chúng tôi tin rằng đàn ông, những người đàn ông Hồi giáo phải có vinh dự bảo vệ Mecca. Chúng tôi không muốn lính đàn bà Mỹ bảo vệ thánh địa đó... Những kẻ cai trị khu vực này đã mất tính đàn ông. Và chúng nghĩ rằng nhân dân là đàn bà. Nhân danh

Thượng đế, phụ nữ đạo Hồi không muốn để những con điểm Mỹ và Do Thái này bảo vệ.

Trong bản “Tuyên chiến” năm 1996 của Osama bin Laden, hần nói rằng Chính phủ Mỹ đã mắc sai lầm lớn nhất khi tiến vào một bán đảo mà không tôn giáo nào ở các nước phi-Hồi giáo đã vào trong 14 thế kỷ”. Thực ra, tuyên bố việc lực lượng Mỹ đóng quân đất Saudi Arabia là cuộc xâm lược lớn nhất chống người Hồi giáo từ ngày đấng Tiên tri qua đời.

Bin Laden chỉ là một trong nhiều người Saudi Arabia chịu ảnh hưởng những cuộc cải cách giáo dục của vua Faisal và liên minh Wahhabi/Neo-Wahhabi trong những năm 1960-1970. Thời kỳ này sản sinh ra cái gọi là al-Sahwa al-Islammiyah (Sự giác ngộ Hồi giáo), sinh viên thời kỳ này được gọi là Sahwa. Hồi giáo sahwa, và người thuyết sahwa nổi tiếng nhất là Safar al-Hawali. Giống như Osama bin Laden, al-Hawali ở thế kỷ XIV tuyên bố “cuộc xâm lược của đạo quân Thập tự chinh bán đảo Arabia đã hủy hoại danh dự... của mọi người Hồi giáo”, và nói rằng cuộc xung đột thật sự “chẳng khác là thế giới chống đạo Iraq. Đó là phương Tây chống đạo Hồi”.

Sự có mặt một đạo quân nước ngoài đã gây lo lắng trong vương quốc. Tháng 3/1991, hơn 400 nhà trí thức tôn giáo đã gửi một bức thư cho nhà vua. Một bức thư tương tự, do 107 học giả tôn giáo ký tên, cũng được gửi tháng 9/1992. Chưa đầy một năm sau, một nhóm người theo chủ nghĩa Hồi giáo thành lập Ủy ban Bảo vệ Quyền chính đáng, tố cáo nhà nước Saudi Arabia là phản đạo, rồi chạy sang lưu vong ở Anh. Tháng 5/1996, bốn người Saudi Arabia bị kết án tử hình vì đánh bom phá hoại đoàn quân sự Mỹ ở thủ đô Riyadh.

Kể từ ngày tiếp quản Đại Thánh đường năm 1979, đây là lần đầu tiên Chính phủ Saudi Arabia xử tử công dân nước mình vì tấn công vũ trang. Một tháng sau, tháng 6/1996, một quả bom phát nổ tại tòa tháp Khobar, giết chết 19 quân nhân Hoa Kỳ. Hầu hết những người đánh bom đã từng chiến đấu ở Afghanistan. Tuy các phần tử khủng bố này đặc biệt kêu ca vương triều Saudi Arabia dung túng “bọn Mỹ vô đạo”, nhưng thực ra cuộc tấn công là một phần cuộc nổi dậy rộng lớn hơn của chủ nghĩa Hồi giáo bùng phát khắp Trung Đông trong những năm 1990, trong đó có bàn tay của Al-Qaeda.

Al-Qaeda coi mục đích cao nhất và chiến lược của mình là truyền thống lịch sử thiêng liêng của đạo Hồi. Cứ mỗi lần nhắc đến một sự kiện ngày nay, Osama bin Laden lại dẫn chứng một tiền lệ lịch sử để miêu tả mình là người trung thành với lời dạy của những người Hồi giáo đầu tiên và bài học của lịch sử đạo Hồi. Osama bin Laden tuyên bố rằng lịch sử đạo Hồi “đã làm sáng tỏ quan hệ giữa cá nhân này với cá nhân khác, bốn phần của tín đồ với Thượng đế... và mối liên hệ của một quốc gia Hồi giáo với những nước khác ở thời bình và thời chiến”. Do vậy, chẳng có “điều gì mới mà chúng ta phải tìm ra”. Vì thế, nguồn gốc cách hành xử của Al-Qaeda đã được lưu truyền, xây dựng, và tái tạo qua các thời đại. Osama bin Laden đặc biệt đề cao cuộc sống ở nơi hẻo lánh như sa mạc, nơi mà hần coi là nguồn gốc của văn minh. Chính hần cũng đang ẩn náu tại một vùng hoang vu trên biên giới giữa Afghanistan và Pakistan để tránh sự truy lùng của lực lượng Đồng minh và đợi thời cơ trở lại tấn công quân Mỹ cùng các chế độ cộng tác với Mỹ.

Ở thế kỷ XIV, nhà sử học kiêm xã hội học Ibn Khaldun 14 từng nói về một thân thoại Arab, coi sa mạc là cơ

sở của văn minh, một “đất thiêng” mà từ đó dân du mục Bedouin xuất hiện để chống sự sa đọa tinh thần. Đây là những người mà ông cho là “gần với cái tốt đẹp hơn dân định cư”. Khaldun viết rằng “dân định cư quan tâm đến mọi thứ lạc thú... Tâm hồn họ mang đủ mọi tính chất xấu xa đáng chê trách”. Về sau, Khaldun viết tiếp rằng “họ tự hủy hoại chính mình. Họ càng hưởng xa hoa và cuộc sống dễ dãi, thì họ càng gần sự tuyệt diệt”. Cả đảng Tiên tri Mohammed và nhà vua Ibn Saud đều đi sâu vào sa mạc trước khi xuất hiện để truyền bá luật của Thượng đế. Đối với Osama bin Laden, một kẻ xa lánh sự xa hoa để chấp nhận cảnh hoang vu rồi trở lại thách thức vương triều Saudi Arabia, thì thứ lịch sử này của Khaldun đặc biệt thích hợp.

Cách Al Qaeda hiểu vai trò của thánh chiến cũng phù hợp với bài học rút ra từ một cách hiểu đặc biệt lịch sử đạo Hồi. Majid Khadduri, cựu Giám đốc chương trình Nghiên cứu Trung Đông của trường đại học Johns Hopkins, đã xem xét bước tiến của các đạo quân Arab ở thế kỷ VII và khẳng định tính vượt trội của đạo Hồi. Ông công nhận niềm tin rằng thánh chiến phải là cơ sở thường xuyên của quan hệ giữa đạo Hồi với láng giềng.

Tuy nhiên, sức mạnh quân sự đã suy yếu của nhà nước Hồi giáo đã buộc các nhà pháp chế phải giải thích lại luật pháp để chứng minh sự tạm ngừng của thánh chiến. Luật Hồi giáo lúc đó chỉ cho phép ngừng chiến đấu không quá mười năm, nhưng vì sức mạnh của các đạo quân Arab đã suy giảm, nên các hiệp ước hòa bình vượt quá giới hạn thời gian này. Các nhà pháp chế không để các cộng đồng phi-Hồi giáo bị tấn công, miễn là họ công nhận sự thống trị của đạo Hồi và chịu cống nạp. Nhưng trong thực tế, nhà nước Hồi giáo ở thế kỷ XI ngày càng không có khả năng giành được những

nhượng bộ này. Hoàn cảnh địa-chính trị buộc phải dung nạp nhau, biên giới tương đối ổn định và hòa bình. Thánh chiến chỉ còn được thực hiện tại Trung Á chống người Thổ Nhĩ Kỳ du mục ngoại giáo. Đại đa số dân Hồi giáo đã quen với hòa bình, nhà văn Arab là al-Muqadasi lúc đó phàn nàn rằng ở Syria “dân chúng không có nhiệt tình với thánh chiến, và không có nghị lực trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù”.

Tuy nhiên, tư tưởng thánh chiến lại được hồi phục ở thế kỷ XIII. Học giả Taqi al-Din ibn Taymiyya (1263-1328) của trường phái pháp chế Hanbali³ công kích đạo Thiên chúa, giáo phái Shi'a và nhiều tập tục của hệ phái Sufi. Ông nói rằng thánh chiến là một bổn phận có tầm quan trọng ngang năm trụ cột của đạo Hồi, và tuyên bố nếu một người cai trị không áp dụng luật shar'ia hoặc không sùng đạo, thì người đó chẳng hơn gì một kẻ phản đạo mà dân Hồi giáo có bổn phận phế truất. Đây là một đổi mới “cách mạng” nhất của Ibn Taymiyya, vì nó trực tiếp vi phạm nguyên tắc chính thống cho rằng người Hồi giáo phải tuân phục kẻ cai trị mình, dù đó là kẻ chuyên chế.

Đối với những người không bị phong cách phương Tây quyền rũ, thì công trình của Ibn Taymiyya có ảnh hưởng lớn. Ở Ai Cập, anh em Sayyib Qutb và Mohammed Qutb thuyết trình về “quyền nổi loạn” của Ibn Taymiyya chống kẻ cai trị không ngoan đạo, gọi các nhà lãnh đạo Hồi giáo đương thời là kẻ phản đạo. Sayyib bị treo cổ năm 1964 vì chống Nasser; Mohammed chạy trốn sang Saudi Arabia, ở đó ý tưởng của hán phù hợp với nhóm Wahhabi. Sau đó chẳng bao lâu, Mohammed trở thành một học giả xuất sắc nghiên cứu về đạo Hồi.

Nước Mỹ với Al Qaeda và Wahhabi/Neo-Salafi

Như nhiều người nhận xét, nước Mỹ là một mục tiêu chủ yếu vì nó tác động

đến cuộc đấu tranh trong nội bộ đạo Hồi. Lúc người Anh rời bỏ vịnh Persia thì Hoa Kỳ nhảy vào lấp chỗ trống, trở thành kẻ chủ yếu bảo vệ trật tự chính trị. Phong trào Wahhabi/Neo-Salafi tìm cách thay đổi trật tự đó, tấn công nước Saudi Arabia. Nhưng năm 2002, một nhân viên của CIA là Michael Scheuer nói rằng Osama bin Laden sẽ cho rằng đạo Hồi thắng thế, lực lượng Mỹ và Anh rút khỏi Saudi Arabia và những nơi khác của thế giới Hồi giáo Arab, lúc lệnh cấm vận của Liên Hợp Quốc bị bãi bỏ". Vì Osama bin Laden sẽ coi việc tiêu diệt Bin Laden và sự lật đổ Chính phủ Saudi Arabia là tất yếu, và thấy không cần thiết phải tiếp tục tấn công nước Mỹ. Các vụ giết người của Al Qaeda không phải chỉ là hành động khủng bố, mà là cách hiến sinh theo nghi lễ. Chính phủ Saudi Arabia thực chúng sẽ ngừng hành động nếu Bin Laden chưa biết rõ cách hành xử của Bin Laden để không được Thượng đế ủng hộ.

Ở nước Mỹ có một câu nói nổi tiếng là "tự do và dân nô lệ". Theo đúng cách phân tích truyền thống này, Chính phủ Bush cho rằng cuộc chiến tranh hiện thời đang diễn ra giữa tự do và nô lệ. Cách miêu tả này không đúng, nhưng nó không cho thấy tất cả các kẻ tham gia khác trên chiến trường. Cuộc chiến hiện nay không chỉ diễn ra giữa thiểu số nhỏ bé Hồi giáo tự do với nhóm Neo-Salafi và Wahhabi. Trái lại, nó là cuộc đấu tranh của phong trào Wahhabi/Neo-Salafi để áp đặt quan điểm chính trị của họ lên người Sunni, Shi'a và dân Kurd thế tục.

Về chính sách của Saudi Arabia đối với Al-Qaeda, chớ nên quên rằng trước khi Mỹ tấn công Iraq, vương triều Saudi Arabia không chịu hành động chống Al-Qaeda vì sợ tình hình trong nước mất ổn định. Lúc đó, Hoa Kỳ không có cách nào thuyết phục

Saudi Arabia làm khác. Kinh tế toàn cầu phụ thuộc vào nguồn dầu lửa của Saudi Arabia, lực lượng Mỹ phải dựa vào căn cứ quân sự ở vương quốc này để kiểm chế Saddam Hussein. Sự có mặt quân đội nước ngoài khiến tình hình hỗn loạn, đến mức một số nhà bình luận năm 2002 tin rằng vương triều Saudi Arabia đang suy tàn. Bất cứ sức ép gia tăng nào cũng có thể giúp lực lượng liên minh với Al-Qaeda lên nắm quyền.

Theo lời một quan chức tình báo Saudi Arabia, một cuộc trưng cầu ý kiến bí mật của chính phủ sau sự kiện 11/9 ở Hoa Kỳ cho biết 95% đàn ông tuổi từ 25 tới 41 ở nước này ủng hộ Bin Laden. Nguồn tin an ninh cũng báo cáo rằng "mỗi khi một cuốn băng mới của Osama bin Laden được phát trên truyền hình vệ tinh, thì phố xá vắng ngắt khi mọi người chạy về nhà để nghe". Trong khi tình hình Saudi Arabia như vậy, hoàn cảnh Iraq cũng khiến nhiều người quan ngại.

Iraq còn lâu mới trở thành một quốc gia dân chủ ổn định, sự hỗn loạn trong bốn năm qua đã giúp phong trào Wahhabi/Neo-Salafi mạnh lên nhiều. Một cuộc nội chiến đã diễn ra ở Iraq ít nhất từ năm 2003, lúc người Sunni không chịu chấp nhận việc giải phóng giáo phái Shi'a và dân Kurd. Họ bắt đầu nổi dậy để phục hồi nền độc tài Sunni. Vấn đề cơ bản là chính phủ trung ương có mạnh không, và chính phủ đó có thể tồn tại sau cuộc nội chiến không, nếu không thì Iraq sẽ tan rã. Điều này sẽ có nghĩa thế nào đối với phong trào Wahhabi/Neo-Salafi cũng như đối với chính sách của Hoa Kỳ trong khu vực?

Nếu chính phủ trung ương của Iraq sụp đổ, dân chúng Mỹ có thể sẽ buộc Quốc hội Hoa Kỳ cắt bỏ tài trợ cho hoạt động an ninh, các nước láng giềng sẽ nổi lên lấp chỗ trống và vẽ lại biên giới của khu vực. Ở miền Bắc, người Kurd

sẽ tuyên bố một nước Kurdistan độc lập, khiến Thổ Nhĩ Kỳ trực tiếp can thiệp như đã làm. Giữa cơn sóng gió này, các thành phố của người Arab Sunni sẽ bị Wahhabi/Neo-Salafi kiểm soát, và tại miền Nam, người Shi'a không có khả năng chống đỡ cuộc tấn công của người Sunni nên phải chấp nhận sự giúp đỡ quân sự của Iran, dẫn tới việc Iran sáp nhập miền Nam Mesopotamia. Tai họa này có thể làm sụp đổ vương triều Saudi Arabia.

Ngay dù trường hợp đó xảy ra, chưa chắc Hoa Kỳ đã rút khỏi vùng Vịnh, vì sợ một phong trào chính trị thù địch sẽ kiểm soát khoảng một nửa trữ lượng dầu thế giới. Liên minh Mỹ - Saudi Arabia rất quan trọng cho lợi ích kinh tế của Mỹ và cho cuộc chiến chống Al-Qaeda. Các nhà lãnh đạo Saudi Arabia có thể cực kỳ bảo thủ, nhưng họ là những người bảo thủ thực dụng đã coi Al-Qaeda là mối đe dọa quyền thống trị của họ.

Hơn nữa, nếu một cuộc nổi dậy Wahhabi/Neo-Salafi thắng lợi, thì rất có khả năng dân chúng Shi'a ở khu vực này bị tấn công. Vùng Vịnh là khu vực sinh sống của các cộng đồng Shi'a dưới sự cai quản của người Sunni. Dân số Bahrain gồm hơn 70% theo giáo phái Shi'a, dân số Kuwait có 30% người Shi'a. Nhiều cộng đồng Shi'a nhỏ có mặt tại các Tiểu Vương quốc Arab Thống nhất, Yemen, và Oman. Tỉnh miền Đông của Saudi Arabia, chứa hầu hết các mỏ dầu của nước đó, là một vùng Shi'a. Về phía Tây, tại biên giới với Yemen, là tỉnh Najran xa xôi có một cộng đồng Shi'a đông tới 200.000 người.

Phong trào Wahhabi/Neo-Salafi rõ ràng có xu hướng tiêu diệt người Shi'a, các thủ lĩnh của nó công khai tuyên bố ý định tẩy sạch vùng Vịnh khỏi những kẻ phản đạo. Hiện nay, mối lo sợ nhất là việc giải phóng dân chúng Shi'a của Iraq sẽ khơi dậy yêu

cầu của người Shi'a ở các nước láng giềng đòi bình quyền, hoặc sự nổi lên của quyền lực chính trị người Shi'a trong khu vực.

Hoa Kỳ không thể làm thỏa mãn cả giáo phái Shi'a lẫn Sunni, mà phải lựa chọn. Tại Iraq, nơi người Sunni liên kết với phong trào Wahhabi/Neo-Salafi đang tàn sát dân Shi'a, tất nhiên Mỹ sẽ lựa chọn Shi'a, vì những người này là kẻ thù của kẻ thù nước Mỹ và vì họ đã ủng hộ quá trình dân chủ theo đúng lời dạy của nhiều giáo chủ, nhất là đại Giáo chủ Ali al-Sistani. Ngoài ra, nếu Al-Qaeda tăng cường sự có mặt tại Arabia, thì Mỹ buộc phải ủng hộ các cộng đồng Shi'a, nạn nhân trong cuộc diệt chủng của người Sunni.

Kết luận

Các cộng đồng ngoài biên giới Saudi Arabia có thể cũng phần nộ đối với việc một chế độ Wahhabi/Neo-Salafi muốn áp đặt cách nhìn của họ đối với luật pháp Hồi giáo. Chắc chắn dân Yemen cũng như dân Ibadis ở nước Oman sẽ chiến đấu chống bất cứ âm mưu nào nhằm thay đổi truyền thống của mình ■

Chú thích:

1. Zeyno Baran, Hizb Ut-Tahrir: Islam Political Insurgency (Washington, D.C.: The Nixon Center, 2004).
2. Kepel, Jihad, trang 144-48.
3. Giáo phái Sunni của đạo Hồi có bốn trường phái pháp chế là Hanafi, Maliki, Shafi, và Hanbali. Trường phái Hanbali bảo thủ nhất, và chiếm ưu thế trong dân Hồi giáo ở bán đảo Arabia.

Tài liệu tham khảo

1. Anthony Cave Brown, Oil, God, and Gold: The Story of Aramco and the Saudi Kings (Boston: Houghton Mifflin, 1999).
2. Jarret M. Brachman and William F. McCants, "Stealing Al-Qaeda's Playbook," Studies in Conflict and Terrorism, June 2006
3. Washington Post, Aug. 9, 2005.
4. The Economist, Jan. 7, 2006.
5. Orbis, Winter 2007.